

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Báo cáo số 330/BC-ĐGS ngày 11/10/2022 của Đoàn giám sát của Quốc hội về kết quả giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2661/TTr-STC ngày 15/5/2023 về việc ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Tổng giám đốc, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc tỉnh Thanh Hóa quản lý, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTC. (thht)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Nguyễn Văn Thi**

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội. Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 - 2021 đã được Quốc hội chỉ ra tại Nghị quyết số 74/2022/QH15.

2. Yêu cầu

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Bám sát phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã nêu tại Nghị quyết số 74/2022/QH15, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp để khắc phục các tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra tại Nghị quyết số 74/2022/QH15.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Các nhiệm vụ, giải pháp chung về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

a) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trong tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, phổ biến việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cả khu vực công cũng như khu vực tư nhân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thực sự trở thành văn hóa ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong tỉnh.

b) Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý tăng cường, siết

chặt kỷ luật, kỷ cương, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước để phát triển nhanh và bền vững. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Xử lý nghiêm minh, kịp thời trách nhiệm các tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Từ năm 2023, triển khai trong toàn tỉnh cuộc vận động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phong trào thi đua về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phong trào thi đua đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên tất cả các lĩnh vực sản xuất, tiêu dùng ở mọi cấp, mọi ngành và trong nhân dân với chủ đề, nội dung, hình thức thiết thực, hiệu quả. Kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh đổi mới việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và báo cáo việc thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 5 năm và hằng năm, theo hướng vừa đảm bảo tính tổng thể, toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm, có chủ đề từng năm, phù hợp với định hướng và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

đ) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành tham mưu cho UBND tỉnh ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định của địa phương để hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bảo đảm đồng bộ, thống nhất và phù hợp yêu cầu thực tiễn. Từ năm 2023, thường xuyên đánh giá hiệu quả và chất lượng chính sách sau ban hành để kịp thời điều chỉnh các bất cập, mâu thuẫn nhằm hạn chế thất thoát, lãng phí các nguồn lực.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý nghiêm túc, chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và khẩn trương có giải pháp đồng bộ để khắc phục tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra trong Báo cáo kết quả giám sát số 330/BC-ĐGS ngày 11/10/2022 của Đoàn giám sát của Quốc hội (gửi kèm theo). Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, cá thể hóa trách nhiệm; bảo đảm tính công khai, minh bạch; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, tập trung cao độ chỉ đạo để thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật tránh thất thoát, lãng phí. Tập trung nghiên cứu kỹ các giải pháp, đề xuất, kiến nghị nêu trong Báo cáo số 330/BC-ĐGS ngày 11/10/2022 của Đoàn giám sát của Quốc hội để thực hiện nghiêm các nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục kèm theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Tổng giám đốc, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc tỉnh Thanh Hóa quản lý tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao; thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc bảo đảm chất lượng, tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch hành động này.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý triển khai thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của đơn vị mình gắn với việc thực hiện Kế hoạch hành động này. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch hành động và kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm theo quy định, gửi về Sở Tài chính trước ngày 15/01 năm sau liền kề để tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội tại kỳ họp đầu năm sau đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch hành động này; tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, gửi Bộ Tài chính.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo, giải quyết./.

Phụ lục
Các nhiệm vụ cụ thể thực hiện Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ
về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội
(Kèm theo Kế hoạch hành động ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Số TT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành	Ghi chú
1	Rà soát, thống kê, tổng hợp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2021 của từng sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố.	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố có liên quan	Năm 2023	
2	Làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm giải trình của người đứng đầu để xảy ra vi phạm, thất thoát, lãng phí đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước có thất thoát, lãng phí và các tồn tại hạn chế khác nêu trong Báo cáo kết quả giám sát số 330/BC-ĐGS ngày 11/10/2022 của Đoàn giám sát của Quốc hội.	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành là cơ quan thẩm định dự án.	Năm 2023	Phụ biểu số 1
3	Làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm giải trình của người đứng đầu để xảy ra vi phạm, thất thoát, lãng phí đối với diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, vi phạm pháp luật.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố có diện tích đất đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, vi phạm pháp luật.	Từ năm 2023-2025	Phụ biểu số 1
4	Phân loại để xây dựng kế hoạch, lộ trình, làm rõ trách nhiệm, xử lý các sai phạm, tiêu cực, các tồn tại, hạn chế, thất thoát, lãng phí đối với các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến 03 dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước khác không hiệu quả hoặc lãng phí giai đoạn 2016-2021.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan.	Năm 2023	Phụ biểu số 2

5	Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật có liên quan đến công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; rà soát và ban hành các đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật trong đầu tư, xây dựng, dịch vụ công còn thiếu hoặc còn chồng chéo, mâu thuẫn; sửa đổi, bổ sung định mức chi tiêu công, tài sản công, xe công, khoán chi, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; lao động, biên chế; quản lý, sử dụng tài nguyên, đất, khoáng sản.	Các sở, ban, ngành, theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan	Năm 2023	
6	Phân loại để xây dựng kế hoạch, lộ trình, làm rõ trách nhiệm, xử lý các sai phạm, tiêu cực, các tồn tại, hạn chế, thất thoát, lãng phí đối với các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến 109 dự án, công trình không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng giai đoạn 2016-2021.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố có liên quan	Năm 2023	Phụ biểu số 3
7	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước khác; sớm đưa vào khai thác, sử dụng các dự án đã hoàn thành nhiều năm, không để lãng phí.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố có liên quan	Từ năm 2023 - 2025	
8	Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Xây dựng lộ trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể giải quyết các dự án sử dụng vốn nhà nước thua lỗ tại các doanh nghiệp. Làm rõ trách nhiệm và kết quả xử lý nghiêm trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu các doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả, gây ra thua lỗ, thất thoát, lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các nguồn vốn nhà nước khác.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố có liên quan	Từ năm 2023 - 2025	

9	Triển khai rà soát để đến năm 2025 hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trong phạm vi quản lý; có các giải pháp xử lý cơ bản các cơ sở nhà, đất bị lấn chiếm, có tranh chấp, sử dụng sai mục đích, thiếu hồ sơ pháp lý chứng minh nguồn gốc. Kiểm tra việc thực hiện phương án sắp xếp các cơ sở đã được phê duyệt, nhất là các cơ sở nhà, đất phải thu hồi, đấu giá. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, tài sản các cơ quan, đơn vị sau sáp nhập và phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định, không để lãng phí, sai phạm, lấn chiếm, chuyển đổi, sử dụng sai mục đích hoặc để hoang hóa. Trước năm 2025 hoàn thành việc tổng kiểm kê tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố có liên quan	Từ năm 2023 - 2025	
10	Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản; kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế; nâng cao chất lượng quy hoạch để bảo đảm khai thác, sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, bền vững, giảm thiểu thất thoát, lãng phí, tác động tiêu cực đến môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố có liên quan	Từ năm 2023 - 2025	
11	Trong năm 2023 hoàn thành việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện, lập và trình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp tỉnh ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố có liên quan	Từ năm 2023 - 2025	
12	Đẩy mạnh cổ phần hóa, chuyển đổi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.	Sở Tài chính	Các đơn vị có liên quan	Từ năm 2023 - 2025	

13	Khắc phục tình trạng giảm biên chế bình quân tại tất cả các cơ quan, đơn vị; xác định biên chế phải căn cứ vào điều kiện, đặc điểm của từng ngành, lĩnh vực, địa phương gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố có liên quan	Từ năm 2023 - 2025	
14	Tiếp tục thực hiện nghiêm các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Thu hồi triệt để các dự án treo và đẩy nhanh việc thu hồi các tài sản, đất đai nhà nước bị thất thoát, vi phạm theo các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.	Các sở, ban, ngành, theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố có liên quan	Từ năm 2023 - 2025	
15	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là trong lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, tài chính công, tài nguyên, khoáng sản. Tổ chức thanh tra chuyên đề hoặc thanh tra thường xuyên các nội dung liên quan theo đề nghị của Đoàn giám sát của Quốc hội tại Báo cáo kết quả giám sát số 330/BC-ĐGS ngày 11/10/2022 trong kế hoạch năm 2023 và năm 2024.	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố có liên quan	Từ năm 2023 - 2025	Phụ biểu số 1

PHỤ BIỂU SỐ 1
CÁC TỒN TẠI HẠN CHẾ KHÁC NÊU TRONG BÁO CÁO SỐ 330/BC-ĐGS NGÀY 11/10/2022
CỦA ĐOÀN GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI

(Kèm theo Phụ lục Kế hoạch hành động ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung	Tồn tại	Ghi chú
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch hằng năm.	Cấp huyện chưa xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (huyện Hoằng Hóa, thành phố Sầm Sơn).	Theo nội dung có chú thích số ⁶⁶ , trang 24 Báo cáo số 330/BC-ĐGS ngày 11/10/2022 của Đoàn giám sát của Quốc hội.
		Phân bổ vốn cho một số dự án chưa đảm bảo điều kiện quy định (thành phố Sầm Sơn, thành phố Thanh Hóa; các huyện: Đông Sơn, Nga Sơn, Thiệu Hóa).	Theo nội dung có chú thích số ⁷⁴ , trang 25 Báo cáo số 330/BC-ĐGS.
		Công tác chuẩn bị đầu tư, lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án còn nhiều tồn tại, bất cập. Theo Báo cáo số 135/BC-KTNN ngày 09/5/2019 của Kiểm toán nhà nước về kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước năm 2017 - Chuyên đề việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư XDCB giai đoạn 2015-2017 trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh Thanh Hóa: 19/33 dự án phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khi chưa đủ thủ tục; 01 dự án thuộc huyện Lang Chánh và 01 dự án thuộc huyện Mường Lát phê duyệt dự án chưa đúng quy định; huyện Lang Chánh 01 dự án, huyện Quan Sơn 01 dự án và huyện Quan Hóa 02 dự án quyết định đầu tư chưa xác định rõ khả năng cân đối vốn; 03 dự án thuộc huyện Quan Hóa quyết định đầu tư chưa xác định rõ thời gian thực hiện dự án.	Theo nội dung có chú thích số: ^{82, 87, 90, 91} , trang 25 Báo cáo số 330/BC-ĐGS.
		Dự án nhóm B nhưng kéo dài quá 5 năm (Dự án đề, kè biển xã Hải Châu, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án nhóm B nhưng kéo dài 13 năm); dự án bố trí thiếu vốn ngân sách địa phương (Dự án đề kè biển xã Quảng Thái vốn NSTW đã bố trí đủ).	Theo nội dung có chú thích số: ^{95, 96} , trang 26 Báo cáo số 330/BC-ĐGS

STT	Nội dung	Tồn tại	Ghi chú
		Nhiều vi phạm trong đấu thầu, quản lý, sử dụng vốn, tổ chức triển khai thực hiện dự án. Một số dự án áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu sai quy định. Phương án bồi thường còn sai sót, chưa sát thực tế (theo Báo cáo số 135/BC-KTNN ngày 09/5/2019 của Kiểm toán nhà nước về kiểm toán quyết toán NSNN năm 2017: Dự án ĐTXD các tuyến giao thông trục chính phía Tây - Khu kinh tế Nghi Sơn: UBND huyện Tĩnh Gia chưa thực hiện xác định diện tích đất trồng lúa nước 02 vụ/năm chuyển đổi mục đích thành đất phi nông nghiệp với diện tích 327.944 m ² tương đương 8,7 tỷ đồng).	Theo nội dung có chú thích số: 102, 105, trang 26 Báo cáo số 330/BC-ĐGS.
		Các dự án có thất thoát lãng phí chủ yếu là các chi phí không hợp lý, được phát hiện trong giai đoạn thanh, quyết toán, kiểm toán. Một số địa phương có số dự án phát hiện có thất thoát, lãng phí nhiều, như: Thanh Hóa năm 2019 có 52 dự án, năm 2020 có 19 dự án, năm 2021 có 90 dự án.	Theo nội dung tại trang 27 Báo cáo số 330/BC-ĐGS.
2	Quản lý, sử dụng tài sản công	Theo Báo cáo của Kiểm toán nhà nước, một số đơn vị được kiểm toán sử dụng ô tô vượt tiêu chuẩn, định mức hoặc sử dụng xe ô tô chưa phù hợp quy định (Năm 2018: Văn phòng Sở Giao thông vận tải 03 xe; Trường Đại học Hồng Đức 01 xe; Văn phòng HĐND và UBND huyện Nông Cống 01 xe; Văn phòng HĐND và UBND huyện Hà Trung 01 xe; Văn phòng HĐND và UBND huyện Yên Định 04 xe. Năm 2019: Thanh Hóa vượt 12 xe. Năm 2020: Văn phòng HĐND&UBND thị xã Nghi Sơn thừa 03 xe; Văn phòng HĐND&UBND huyện Thạch Thành thừa 01 xe; Văn phòng HĐND&UBND huyện Hà Trung thừa 01 xe; Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường thừa 03 xe).	Theo nội dung có chú thích số: 174, trang 41-42 Báo cáo số 330/BC-ĐGS.
3	Quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	Qua kiểm toán đã phát hiện nhiều đơn vị tùy tiện, thiếu trách nhiệm trong việc giao chỉ tiêu biên chế và tiếp nhận sử dụng biên chế sai quy định, vượt thẩm quyền, như: Tỉnh Thanh Hóa giao biên chế công chức vượt Bộ Nội vụ giao 141 người.	Theo nội dung có chú thích số: 186, trang 43 Báo cáo số 330/BC-ĐGS186.
		Sử dụng lao động (công chức, viên chức, hợp đồng lao động) thực tế có mặt trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập vượt quy định, tại tỉnh Thanh Hóa là 5.469 người.	Theo nội dung có chú thích số: 192, trang 44 Báo cáo số 330/BC-ĐGS.

STT	Nội dung	Tồn tại	Ghi chú
4	Quản lý, sử dụng khai thác tài nguyên	Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Tình hình thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai của cả nước từ khi ban hành Luật Đất đai năm 2013 đến nay vẫn còn lớn. Qua kết quả kiểm tra rà soát và xử lý đối với các dự án chậm đưa đất vào sử dụng từ năm 2018 đến nay: Đối với dự án, công trình đã có quyết định giao, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất đã thu hồi hoặc hủy bỏ dự án, công trình, trong đó tỉnh Thanh Hóa đứng thứ 3 cả nước với 24 dự án, công trình.	Theo nội dung có chú thích số: ²²³ , trang 50 Báo cáo số 330/BC-ĐGS.
		Tổng số công ty nông, lâm nghiệp và chi nhánh sau rà soát là 246 công ty với diện tích giữ lại là 1.909.341 ha tại 45 tỉnh, thành phố, trong đó có tỉnh Thanh Hóa.	Theo nội dung có chú thích số: ²²⁷ , trang 50 Báo cáo số 330/BC-ĐGS.
5	Công tác thanh tra, kiểm tra và thực hiện các kết luận các kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước	Kết quả thanh tra của cả nước giai đoạn 2016-2021 (Báo cáo số 838/BC-TTCTP ngày 03/6/2022 của Thanh tra Chính phủ: Các địa phương phát hiện nhiều sai phạm trong quản lý đầu tư, xây dựng; trong đó, tỉnh Thanh Hóa vào các năm: 2016, 2018, 2019, 2021).	Theo nội dung có chú thích số: ³⁰⁴ , Biểu số 2, trang 66 Báo cáo số 330/BC-ĐGS.
		Kết quả thanh tra của cả nước giai đoạn 2016-2021 (Báo cáo số 838/BC-TTCTP ngày 03/6/2022 của Thanh tra Chính phủ: Các địa phương phát hiện nhiều sai phạm trong quản lý, sử dụng đất đai; trong đó, tỉnh Thanh Hóa: năm 2021).	Theo nội dung có chú thích số: ³⁰⁵ , Biểu số 2, trang 66 Báo cáo số 330/BC-ĐGS.

PHỤ BIỂU SỐ 2
DANH MỤC 03 DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VỐN NHÀ NƯỚC
KHÁC KHÔNG HIỆU QUẢ HOẶC LÃNG PHÍ GIAI ĐOẠN 2016-2021
(Kèm theo Phụ lục Kế hoạch hành động ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Danh mục dự án
1	Dự án di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ
2	Trung tâm hội nghị Hàm Rồng
3	Khu ký túc xá và Trường mầm non Thực hành của Trường Đại học Hồng Đức (cũ)

Ghi chú:

- Dự án di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ: Cơ quan phối hợp là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Dự án Trung tâm hội nghị Hàm Rồng: Cơ quan phối hợp là UBND thành phố Thanh Hóa;
- Dự án Khu ký túc xá và Trường mầm non Thực hành của Trường Đại học Hồng Đức (cũ): Cơ quan phối hợp là Sở Giáo dục và Đào tạo.

(Danh sách 03 dự án tại Phụ biểu số 2 nêu trên theo Danh sách dự án, cụm dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước khác không hiệu quả hoặc lãng phí giai đoạn 2016-2021 (tỉnh Thanh Hóa) kèm theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí).

PHỤ BIỂU SỐ 3

**DANH SÁCH 109 DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH KHÔNG ĐƯA ĐẤT VÀO SỬ DỤNG
HOẶC CHẠM ĐƯA ĐẤT VÀO SỬ DỤNG GIAI ĐOẠN 2016-2021**

(Kèm theo Phụ lục Kế hoạch hành động ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên dự án, công trình, chủ đầu tư	Địa chỉ dự án, công trình (xã, phường, thị trấn)	Văn bản, Quyết định về dự án đầu tư (số)	Quyết định thu hồi đất, Quyết định giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất (số)	Diện tích đất (ha)
1	2	3	4	5	6
	Tỉnh Thanh Hóa				
1	Công ty CP Xây dựng dịch vụ thương mại Nam Thanh Bắc Nghệ	Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn	12371/UBND- THKH ngày 15/12/2014	31/QĐ-BQLNS ngày 06/3/2017	0.33
2	Công ty TNHH Trần Mạnh Tiến Thành	Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	10006/UBND- THKH ngày 09/12/2013	300/QĐ-BQLNS ngày 04/12/2015	1.19
3	Công ty TNHH Xuân Thành Công	Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	5865/ UBND-THKH ngày 31/7/2013	67/QĐ-BQLNS ngày 14/3/2014	1.00
4	Công ty TNHH đầu tư TM Tuấn Dũng	Hải Bình, thị xã Nghi Sơn		179/QĐ-BQLNS ngày 14/6/2013	0.83
5	Công ty CP HTQ Việt Nam	Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	12689/ UBND- THKH ngày 27/12/2014	281/QĐ-BQLNS ngày 15/12/2017	1.87
6	Công ty TNHH Đông Tiến	Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn	6622/UBND-THKH ngày 08/7/2015	150/QĐ-BQLNS ngày 24/5/2016	0.56
7	Công ty TNHH đầu tư Nghi Sơn Việt Nam	Phường Tĩnh Hải, thị xã Nghi Sơn	2239/QĐ-UBND ngày 27/6/2016	34/QĐ-BQLKKTNS ngày 07/3/2017	1.00
8	Công ty TNHH Dịch vụ thương mại vận tải Phương Gây	Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn	3798/UBND-THKH ngày 30/5/2013	141/QĐ-BQLNS ngày 23/4/2014	2.65
9	Công ty TNHH Trung Nam	Tân Trường, thị xã Nghi Sơn	11652/UBND- THKH ngày 28/11/2014	271/QĐ-BQLNS ngày 05/10/2015	1.33
10	Công ty cổ phần LICOGI 13 - Vật liệu xây dựng	Hải Yến, TX Nghi Sơn	3331/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	420/QĐ-BQLNS ngày 28/11/2014	1.82
11	HTX Minh Thành	Bình Minh, thị xã Nghi Sơn	7171/UBND-THKH ngày 08/11/2014	4672/QĐ-UBND ngày 25/12/2014	1.20
12	Công ty TNHH Hùng Trâm-Nghi Sơn	Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn	11799/ UBND- THKH ngày 03/12/2014	284/QĐ-BQLNS ngày 26/10/2015	0.31
13	Công ty Cổ phần khí hóa lỏng Nghi Sơn	Mai Lâm, thị xã Nghi Sơn	497/UBND-THKH ngày 27/6/2016	số 46/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 16/3/2017	0.89
14	Công ty TNHH xuất nhập khẩu gỗ Phương Bắc	Nguyên Bình, thị xã Nghi Sơn	8309/UBND-THKH ngày 17/10/2013	1443/QĐ-BQLNS ngày 22/4/2015	0.53
15	Công ty CP đầu tư và xây lắp Hoàng Long	Thị trấn Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn	1510/UBND-THKH ngày 8/3/2013	số 4572/QĐ-UBND ngày 23/12/2013 của UBND tỉnh	0.41
16	Công ty CP Do Xuyên	Hải Thanh, Tx. Nghi Sơn	7688/UBND-NN ngày 19/10/2012	số 660/QĐ-UBND ngày 23/02/2013	0.98
17	Công ty TNHH Nhất Hà	Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	541/QĐ-UBND ngày 15/02/2016	159/QĐ-BQLNS ngày 24/6/2015	0.92
18	Công ty TNHH chế biến thủy sản Thái Sơn	Hải Thanh, thị xã Nghi Sơn	4549/QĐ-UBND, ngày 23/11/2016	340/QĐ- BQLKKTNS&KCN ngày 22/11/2018	2.05
19	Công ty TNHH sản xuất thương mại và xuất nhập khẩu Hưng Thịnh.	Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	11713/UBND- THKH ngày 27/9/2017	5057/QĐ-UBND ngày 29/11/2019	0.11

STT	Tên dự án, công trình, chủ đầu tư	Địa chỉ dự án, công trình (xã, phường, thị trấn)	Văn bản, Quyết định về dự án đầu tư (số)	Quyết định thu hồi đất, Quyết định giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất (số)	Diện tích đất (ha)
20	Công ty CP kiến trúc Phục Hưng (đổi tên thành Công ty cổ phần tập đoàn Tân Phục Hưng)	Tùng Lâm, thị xã Nghi Sơn	5771/UBND-THKT ngày 07/7/2014 và Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 24/4/2017	78/QĐ-BQLNS ngày 03/5/2017	6.45
21	Công ty TNHH Châu Tuấn Hải Thanh	Hải Thanh, thị xã Nghi Sơn	3592/ UBND- NN ngày 08/5/2014	2662/QĐ-UBND ngày 23/9/2005, 648/QĐ-UBND ngày 14/02/2015; 4068/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	0.94
22	CT TNHH xây dựng và dịch vụ thương mại Viết Hoa	Phường Tĩnh Hải, thị xã Nghi Sơn	1406/UBNDTHKH ngày 03/3/2014	473/QĐ-BQLKKTNS ngày 30/12/2014	2.29
23	Công ty Ánh Ngọc (bán cho CT Ba Làng)	Hải Thanh, thị xã Nghi Sơn	3063/ UBND- NN ngày 14/5/2012	1453/QĐ-UBND ngày 15/5/2017	0.81
24	Công ty cổ phần dịch vụ thương mại đa quốc gia Ánh Dương	Xã Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn	11/UBND-THKH ngày 02/0/2014	Nhận chuyển nhượng quyền của Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng và Đô thị Hải An	0.19
25	Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng và đô thị Hải An (chuyển nhượng tài sản cho Công ty TNHH vật liệu xây dựng Nghi Sơn) đổi tên thành công ty NSCM	Thị trấn Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn	1802/QĐ-UBND ngày 01/6/2017	184/QĐ-BQLNS ngày 28/6/2018, số 257/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 14/9/2018	6.70
26	Công ty CP Licogi 16	Trúc Lâm, thị xã Nghi Sơn	124/UBND-CN ngày 09/01/2008	269/QĐ-BQLNS ngày 23/10/2012	7.57
27	Công ty CP dịch vụ thương mại 315	Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn	6336/UBND-THKH ngày 14/8/2013	367/QĐ-BQLNS ngày 4/12/2013	1.00
28	Công ty TNHH xây dựng Dân dụng và công trình giao thông (nay là Cty CP phát triển nhà và BĐS Ruby Group)	Đông Hương, thành phố Thanh Hóa	2725/UBND-NN ngày 11/5/2011	4386/QĐ-UBND ngày 29/12/2011	1.37
29	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Văn (đổi tên thành Cty CP Thành An Thanh Hóa)	Thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc	2480/QĐ-UBND ngày 13/7/2017	128/QĐ-UBND ngày 10/01/2018, 5462/QĐ-UBND ngày 24/12/2019	0.89
30	Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm	Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc	12401/UBNDTHKH ngày 16/12/2014	4718/QĐ-UBND ngày 16/11/2015, 197/QĐ-UBND ngày 18/01/2016	5.01
31	Công ty TNHH Chế biến Lâm sản và sản xuất đồ gỗ Duy Lợi	Minh Tiến, huyện Ngọc Lặc	5775/UBND-THKH ngày 07/7/2014	1983/QĐ-UBND ngày 10/6/2016	3.03
32	Công ty Cổ phần Tập đoàn Miền núi	Ngọc Trung, huyện Ngọc Lặc	2149/QĐ-UBND ngày 21/6/2016	2648/QĐ-UBND ngày 26/7/2017, 3613/QĐ-UBND ngày 25/9/2017	0.11
33	Công ty cổ phần Việt Thanh VNC	Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc		3794/QĐ-UBND ngày 05/12/2007, 515/QĐ-UBND ngày 20/02/2009, 3558/QĐ-UBND ngày 07/10/2010	46.15
34	Công ty cổ phần Việt Thanh VNC	Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc	1215/QĐ-UBND ngày 07/4/2016		5.61
35	Công ty CP Thanh Tân	Phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa	2376/UBND-THKH ngày 01/4/2014	1404/QĐ-UBND ngày 19/4/2019	2.01
36	Công ty CP đầu tư VITHA Milk	Xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn	3692/UBND-NN ngày 12/5/2014	175/QĐ-UBND ngày 15/01/2016	12.35

STT	Tên dự án, công trình, chủ đầu tư	Địa chỉ dự án, công trình (xã, phường, thị trấn)	Văn bản, Quyết định về dự án đầu tư (số)	Quyết định thu hồi đất, Quyết định giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất (số)	Diện tích đất (ha)
37	Công ty TNHH XD và TM Gia Hiếu	Cụm công nghiệp thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	2560/QĐ-UBND ngày 15/7/2016	272/QĐ-UBND ngày 23/01/2017	3.00
38	Công ty TNHH sản xuất đá Vạn Long	Xã Yên Lâm, huyện Yên Định	1530/QĐ-UBND ngày 06/5/2016	2041/QĐ-UBND ngày 14/6/2017	2.91
39	Công ty TNHH MTV Minh Long Yên Định	Định Hưng, huyện Yên Định		3846/QĐ-UBND ngày 06/10/2016	0.59
40	Trụ sở làm việc của Công ty cổ phần Môi trường Yên Định	Thôn Tân ngữ, xã Định Long, huyện Yên Định	QĐ số 4051, ngày 13/10/2015		0.39
41	Công ty cổ phần Dokata	Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	279/QĐ-UBND ngày 20/01/2016	3649/QĐ-UBND ngày 21/9/2016, 1450/QĐ-UBND ngày 04/5/2017	3.89
42	Công ty Cổ phần tư vấn Đầu tư Xây dựng CIC Việt Nam	Đông Sơn, thị xã Bim Sơn	2141/QĐ-UBND ngày 21/6/2017	4722/QĐ-UBND ngày 08/12/2017	0.69
43	Công ty TNHH 005 REO HUẾ	P.Ba Đình, thị xã Bim Sơn	6944/UBND-THKH ngày 5/8/2014	4362/QĐ-UBND ngày 09/12/2014	0.46
44	Công ty TNHH Tiến Nam (nay là Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng và đầu tư Thuận Thiên)	P.Đông Sơn, thị xã Bim Sơn	3687/QĐ-UBND ngày 28/9/2017	98/QĐ-UBND ngày 09/01/2018	0.75
45	Doanh nghiệp tư nhân và dịch vụ thương mại Phú Thịnh	P.Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn	8951/UBND-THKH ngày 25/9/2014	4827/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	0.23
46	Công ty CP Xây dựng Phục Hưng Holdings	P.Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn		1083/QĐ-UBND ngày 06/4/2010	0.87
47	Công ty TNHH Bắc Giang	P.Phú Sơn, thị xã Bim Sơn	4901/UBND-NN ngày 13/9/2010	349/QĐ-UBND ngày 26/01/2011	0.91
48	Công ty CP chợ Bim Sơn	P.Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn		4212/QĐ-UBND ngày 03/12/2014	0.91
49	Công ty TNHH Dịch vụ Y tế ACA	Quang Trung, thị xã Bim Sơn	2380/UBND-NN ngày 18/6/2007	1816/QĐ-UBND ngày 13/6/2012	2.58
50	Công ty Bình Hưng Phát	Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn		564/QĐ-UBND ngày 03/3/2004	0.27
51	Công ty CP xây dựng số 5 (VINACONEX)	Khu phố 12 phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn	2072/QĐ-UBND ngày 06/7/2009		1.43
52	Công ty CP xây dựng số 5 (VINACONEX)	Khu phố 6, 11 phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn	2073/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 và số 2075/QĐ-UBND ngày 06/7/2009		0.28
53	Công ty CP xây dựng số 5 (VINACONEX)	Khu phố 6 phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn	QĐ số 2074/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 về cấp GCN cho CTCPXD số 5		0.21
54	Công ty TNHH thương mại và vận tải Minh Việt	Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn	2753/QĐ-UBND ngày 25/07/2016	5074/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 (0977.755.076)	0.26
55	Công ty CP Intimex Việt Nam	Trường Sơn, TP Sầm Sơn	8932/UBND-NN ngày 25/9/2014	1494/QĐ-UBND ngày 04/5/2016	0.68

STT	Tên dự án, công trình, chủ đầu tư	Địa chỉ dự án, công trình (xã, phường, thị trấn)	Văn bản, Quyết định về dự án đầu tư (số)	Quyết định thu hồi đất, Quyết định giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất (số)	Diện tích đất (ha)
56	Công ty CP XD Quảng Tường	Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn	số 15055/UBND-NN ngày 30/12/2016	350/QĐ-UBND ngày 05/02/2009	0.32
57	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt nam - Chi nhánh Sầm Sơn	Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn		4651/QĐ-UBND ngày 28/12/2009.	0.76
58	Công ty CP đầu tư thương mại và du lịch Hoàng Sơn	Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn		3797/QĐ-UBND ngày 06/10/2017	0.80
59	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Dũng Minh	Quảng Bình, huyện Quảng Xương	2069/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	2876/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	0.71
60	HTX Công nghiệp- Thương mại Thái Dương	Hà Giang, huyện Hà Trung	6077/UBND-CN ngày 04/11/2010	1887/QĐ-UBND ngày 14/6/2011	0.80
61	Công ty CP Đầu tư Phát triển TM Thành Lộc	Hà Sơn, huyện Hà Trung	1123/UBND-CN ngày 04/02/2015	2874/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	17.57
62	Công ty TNHH thực phẩm Thông Tấn	Yến Sơn, huyện Hà Trung		QĐ số 1631/QĐ-UBND tháng 08/2011 của UBND tỉnh	2.67
63	Công ty CP SX&TM Lam Sơn	Hà Vinh, huyện Hà Trung		QĐ số 489/GP-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh	4.00
64	Công ty Cổ phần gạch ngói thương mại Hà Bắc	Hà Tiến, huyện Hà Trung		GP số 228/GP-UBND ngày 04/6/2015	2.59
65	Công ty TNHH Tuấn Đạt	Xã Tân Phong, huyện Quảng Xương	4876/UBND-NN ngày 29/7/2011	3818/QĐ-UBND ngày 15/11/2012	1.29
66	Công ty CP May Hồ Gươm	Xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân	8718/UBND- THKH ngày 19/9/2014	4229/QĐ-UBND ngày 22/10/2015	3.96
67	Công ty CP công nghệ Thọ Xuân	Xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân	2006/QĐ-UBND ngày 10/06/2016	124/QĐ-UBND ngày 12/01/2017	1.00
68	Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Ánh	Đông Tân, thành phố Thanh Hóa	1985/QĐ-UBND ngày 05/4/2011	1051/QĐ-UBND ngày 2/4/2013	0.83
69	Công ty TNHH Vạn Liên Việt	P. Quảng Hưng, TP Thanh Hóa		2322/QĐ-UBND ngày 24/7/2014	1.05
70	Công ty cổ phần Vĩnh Nguyên	P. Đông Cương, TP Thanh Hóa	3396/UBND-NN ngày 25/5/2012	764/QĐ-UBND ngày 07/3/2013	0.54
71	Công ty cổ phần Cơ khí ô tô 19/5	Hoàng Quý, huyện Hoằng Hóa	4678/QĐ-UBND ngày 01/12/2016	Số 3312/QĐ-UBND ngày 06/9/2017	0.48
72	Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại Bình Nam	Hoàng Phú, huyện Hoằng Hóa	2969/QĐ-UBND ngày 14/8/2017	5109/QĐ-UBND ngày 28/12/2017	0.22
73	Công ty cổ phần May Thịnh Vượng	Hoàng Đạo, huyện Hoằng Hóa	3903/QĐ-UBND ngày 06/10/2015	Số 2506/QĐ-UBND ngày 12/7/2016	3.90
74	Công ty cổ phần Thành Nông Thanh Hóa	Hoàng Xuân, huyện Hoằng Hóa	2108/UBND-NN ngày 13/3/2015	Số 5015/QĐ-UBND ngày 30/11/2005	1.51
75	Công ty TNHH Dệt May Hà Nội	Hoàng Quý, huyện Hoằng Hóa	6002/UBND-NN ngày 09/9/2011	499/QĐ-UBND ngày 22/02/2012	3.03
76	Công ty CP nông sản, thực phẩm Việt Hưng	Thành Tâm, huyện Thạch Thành	5052/QĐ-UBND ngày 11/5/2017	Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 (27847 m2) và Quyết định số 3275/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 (21933	4.98

STT	Tên dự án, công trình, chủ đầu tư	Địa chỉ dự án, công trình (xã, phường, thị trấn)	Văn bản, Quyết định về dự án đầu tư (số)	Quyết định thu hồi đất, Quyết định giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất (số)	Diện tích đất (ha)
77	Hộ kinh doanh Mai Văn Nội	Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa	762/QĐ-UBND ngày 01/3/2018	Số 5846/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND huyện	0.25
78	Công ty CP dụng cụ thể thao Delta	Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hóa	6079/UBND-NN ngày 13/9/2011	Số 804/QĐ-UBND ngày 26/3/2012	3.02
79	Tổng Công ty TM&XD Đông Bắc - Công ty TNHH	Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa	243/QĐ-UBND ngày 19/01/2016	3834/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	0.49
80	Công ty CP Thảo Trung	Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa		2308/QĐ-UBND ngày 23/8/2006	0.59
81	Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ Toàn Thịnh Phát (được tách từ Công ty CP đầu tư xây dựng và phát	KCN Đình Hương - Tây Bắc Ga, thành phố Thanh Hóa	2464/UBND-THKH ngày 23/3/2015	1650/QĐ-UBND ngày 16/5/2016	2.51
82	Công ty TNHH MTV sản xuất và chế biến lâm sản Yên Hà	Xã Thành Vân, huyện Thạch Thành	3298/QĐ-UBND ngày 29/8/2016	Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 27/4/2017	1.70
83	Công ty CP ĐT&PT Kinh tế rừng bền vững Toàn Cầu	Trung Hạ, huyện Quan Sơn		2706/QĐ-UBND ngày 22/8/2012	3.00
84	Công ty Xi măng Thanh Sơn	Thủy Sơn, huyện Ngọc Lặc		2927/QĐ-UBND ngày 31/8/2009	35.78
85	Công ty CP Du lịch Kim Quy	P. Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa	6558/UBND-NN ngày 29/11/2010	6921/QĐ-UBND ngày 6/9/2013	3.94
86	Công ty CP Đông Bắc (Công ty Tân Hoàng Minh)	P. Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa	4270/UBND-THKH ngày 14/6/2013	3444/QĐ-UBND ngày 03/10/2013	0.17
87	Công ty CP Mai Linh Đông Đô	Xã Quảng Tân (nay là thị trấn Tân Phong), huyện Quảng Xương		3672/QĐ-UBND ngày 18/10/2013	0.98
88	Công ty TNHH CBLS&XNK Thành Công	P. Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa		1900/QĐ-UBND ngày 16/6/2004	0.65
89	Công ty CP VNJ	P. Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa		2193/QĐ-UBND ngày 25/7/2007	12.59
90	Công ty CP Phát hành sách Thanh Hóa	P. Điện Biên, thành phố Thanh Hóa		3861/QĐ-UBND ngày 27/10/2010	0.17
91	Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Nguyễn Kim	KĐT Nam thành phố Thanh Hóa	CV số 1487/UBND-THKH ngày 04/3/2014	1400/QĐ-UBND ngày 17/4/2015	2.26
92	Công ty TNHH Hùng Mạnh	X. Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa		784/QĐ-UBND ngày 21/3/2014	1.95
93	Công ty cổ phần Môi trường Yên Định	X. Định Long, huyện Yên Định		4051/QĐ-UBND ngày 13/10/2015	0.39
94	Công ty CP SX&TM Lam Sơn	P. Lam Sơn, thị xã Bim Sơn		2229/QĐ-UBND ngày 18/7/2012	2.99
95	Công ty CP Nhựa bao bì Trung Hiếu	P. Lam Sơn, thị xã Bim Sơn		1006/QĐ-UBND ngày 18/4/2008	0.77

STT	Tên dự án, công trình, chủ đầu tư	Địa chỉ dự án, công trình (xã, phường, thị trấn)	Văn bản, Quyết định về dự án đầu tư (số)	Quyết định thu hồi đất, Quyết định giao, cho thuê, chuyển mục đích sử dụng đất (số)	Diện tích đất (ha)
96	Công ty CP Tập đoàn Miền núi	Thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc		Quyết định số 4481/QĐ-UBND ngày 16/12/2013	0.90
97	Cửa hàng xăng dầu của công ty CP Thương mại Miền núi Thanh Hóa	Xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lặc	Quyết định số 2149/QĐ-UBND ngày 21/6/2016	Quyết định số 2648/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh	0.12
98	Cửa hàng xăng dầu của công ty CP Thương mại Miền núi Thanh Hóa	Xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc	Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 05/01/2017		0.11
99	Công ty CP Tập đoàn Miền núi	X. Thọ Xương, huyện Thọ Xuân		156/QĐ-UBND ngày 17/01/2015	1.37
100	Công ty CP Intimex Việt Nam	X. Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa		303/QĐ-UBND ngày 26/01/2005	1.04
101	HTX Dịch vụ Nông nghiệp và môi trường Hoàng Hóa	X. Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa		4349/QĐ-UBND ngày 08/12/2014	0.75
102	Công ty TNHH Nam Thịnh	X. Hoàng Thịnh, huyện Hoàng Hóa		4410/QĐ-UBND ngày 24/12/2012	0.32
103	Công ty CP ĐT&PT kinh tế bền vững Toàn Cầu	X. Trung Hạ, huyện Quan Sơn		Số 2706/QĐ-UBND ngày 28/8/2012	3.00
104	Hợp tác xã công nghiệp Phú Thăng	TT Hậu Lộc, huyện Hậu Lộc		Số 2701/QĐ-UBND ngày 28/8/2014	0.10
105	Công ty TNHH May công nghiệp xây dựng công trình Hoàng Long	X. Văn Lộc, huyện Hậu Lộc		Số 944/QĐ-UBND ngày 17/3/2016	0.09
106	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Tuyết Tuấn của Công ty TNHH thủy sản Tuyết Tuấn	Xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc	Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 07/8/2017;	Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 25/3/2019	0.42
107	Khu thương mại dịch vụ tổng hợp Nhất Phúc của Công ty TNHH MTV Nhất Phúc	Xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc	Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 07/8/2017;	Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 22/3/2018	0.42
108	Công ty TNHH TM Bắc Thành	P.Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa		1443/QĐ-UBND ngày 10/5/2011	2.71
109	Tổng Công ty Đầu tư Hà Thanh - Công ty cổ phần	P.Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa		số 1133/QĐ-UBND ngày 03/4/2015	0.79

Ghi chú: Danh sách 109 dự án, công trình tại Phụ biểu số 3 nêu trên theo Danh sách dự án, công trình không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng giai đoạn 2016-2021 (tỉnh Thanh Hóa, từ trang 76-85) kèm theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.